

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/02/2018**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về		Ghi chú	
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người		Hàng
1	420	TD2+TD1+TD5	7:25	3+1+18	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
2	424	TD5+P1+P3	7:25	17+4+0	0+0+0		17+0+3	0+0+0	
3	420	JS2+BK14+CTK3+PVD2	9:25	9+0+2+0	0+0+0+0		5+6+0+6	0+0+0+0	

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/02/2018	TO: TD2 - TD1 - TD5	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hồi - Linh - Luy - Trường	ETA: 09:10

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	AKHMADULLIN V.R	TD2	01	1	7		87	KHOAN	Russian
2	KRAINOV IGOR	TD2	02	1	8		81	KHOAN	Russian
3	FOK	TD2	03	1	7		128	DIEUHANH	Russian
4	PHAM HOANG LONG	TD1	300	1	5	65	76	NIPI	Vietnamese
5	LE VAN TUAN	TD5				50	73	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN DINH QUY	TD5	65	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN VAN MINH	TD5	66	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
8	LE VIET HUNG	TD5	70	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN CONG AN	TD5	60	1	2		63	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN CANH THAC	TD5	64	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TUAN	TD5	54	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
12	DO MANH HA	TD5	53	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
13	HA VAN DUNG	TD5					90	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VIEN*TT	TD5	59	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
15	TU DUONG DUNG	TD5	55	1	2		68	KHOAN	Vietnamese
16	CAO DUC HAI	TD5	57	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN CAO HOANG	TD5	51-52	2	11		77	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM XUAN HAI	TD5	58	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
19	PHAM XUAN THUY	TD5	56	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN HUU HOAN	TD5	50	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
21	DOAN QUYET THANG	TD5	61	1	5		68	YTE	Vietnamese
22	NGUYEN HAI LAM SON	TD5	62-63	2	10		95	YTE	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	3	3	22	296	0	1		
2	TD1	1	1	5	76	65	0		
3	TD5	18	18	94	1.315	50	21		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>121</b>	<b>1.687</b>	<b>115</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>121</b>	<b>1.687</b>	<b>115</b>			

GRAND TOAL: 1.923 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 01-Feb-18	TO: TD5 - P1 - P3	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: MTHĂNG - VTHU -	ETA: 09:15
CAM-1		TDUNG - CUÔNG	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGỌC TUẤN	TD5	05	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ NGỌC THÀNH	TD5				14	70	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM VĂN BIÊN	TD5	10	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN CÔNG MINH	TD5	02	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU NHÂN	TD5	03	1	4	55	58	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG VIỆT	TD5	04.08	2	6		65	KHOAN	Vietnamese
7	MAI ĐẠI HẢI	TD5	01	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
8	BUI QUANG TUYNH	TD5	17	1	6		56	KHOAN	Vietnamese
9	LE XUÂN THỊNH	TD5	20	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
10	LUONG HUNG TRIỆT	TD5	16	1	15		70	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN TRỌNG TIẾN	TD5	12	1	15		74	KHOAN	Vietnamese
12	MAI THÈ HIÊN	TD5	18-19	2	15		90	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM THANH DŨNG	TD5	11	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN HOANG LONG	TD5	13-15	3	18		67	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN DUY KIỆM	TD5	06	1	10		68	DIEUHANH	Vietnamese
16	UDACHIN D.V	TD5	09	1	11		74	DVL	Russian
17	LE VĂN THĂNG	TD5	07	1	11		66	DVL	Vietnamese
18	PHẠM THÈ QUANG	P1	64	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ TRUNG KIẾN	P1	63	1	3	20	73	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THÀNH TRUNG	P1	65	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ TRỌNG NHIÊN	P1	66-67	2	10		50	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	17	20	142	1.157	69	18		
2	P1	4	5	33	257	20	0		
3	P3	0	0	0	0	0	3		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>25</b>	<b>175</b>	<b>1.414</b>	<b>89</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>175</b>	<b>1.414</b>	<b>89</b>			

GRAND TOAL: 1.678 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/02/2018	TO: JS2 - BK14 - CTK3 - PVD2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Hôi - Linh - Luy - Trường	ETA: 11:30
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CLIFFORD FERNANDES ARCANJO	JS2	95-96	2	15	110	86	KHOAN	Indian
2	LYNDON TRINIDADE RAYMOND	JS2	94	1	12		73	KHOAN	Indian
3	NARENDRASINH PARIHAR	JS2	98-99	2	20		105	KHOAN	Indian
4	BUI ANH DUC	JS2	91	1	13		67	KHOAN	Vietnamese
5	BUI CAO HUY	JS2	93	1	2		58	KHOAN	Vietnamese
6	LE TRAN HAU	JS2	41	1	6	99	72	KHOAN	Vietnamese
7	HUNH NGOC BINH	JS2	92	1	7		81	KHOAN	Vietnamese
8	LUONG MANH THUONG	JS2	97	1	10		61	KHOAN	Vietnamese
9	LE QUANG CUONG	JS2	90	1	10		81	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG PHUC LONG	CTK3	90	1	10	45	70	DIEU HAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	9	11	95	684	209	5		THAO 2 GHE DOI DE CHO HANG
2	BK14	0	0	0	0	10	6		
3	CTK3	1	1	10	70	45	1		
4	PVD2	0	0	0	0	5	6		
<b>TOTAL</b>		<b>10</b>	<b>12</b>	<b>105</b>	<b>754</b>	<b>269</b>	<b>18</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>105</b>	<b>754</b>	<b>269</b>			

GRAND TOAL: 1.128 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/02/2018**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi		Về		Ghi chú	
			Giờ bay	Người	Giờ bay	Người		
1		CLO+ <del>FD</del> -TD5	7:25	17+5	0+0	12+10	0+0	
2		CLO+TD1	9:25	7+15	0+0	6+16	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

ИВАЛЫ 4 БАНН ХЕ КHÔNG NHẬN CHỖ BẢNG TRỰC THĂNG (4-КОЛЕЧНЫЕ ЧЕМАДАННЫ НЕ ПЕРЕВОЗЯТСЯ  
ВЕРТОЛЕТАМИ С 1-ГО ФЕВРАЛЯ 2018Г.)



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04-Feb-18	TO: CLO - P1 - TD5	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - XHOÀN - NNam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRUNG HOA	CLO	09-10	2	15		68	KHOAN	Vietnamese
2	LE VAN PHU	CLO	07	1	7		75	YTE	Vietnamese
3	REZNIKOV	CLO	11	1	10		90	DIEUHANH	Russian
4	MOKHOV	CLO	14	1	5		98	DIEUHANH	Russian
5	STAZINSKY	CLO	12	1	5	20	95	DIEUHANH	Russian
6	LA VIET HUNG	CLO	13	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN VIET HUNG	CLO	17	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
8	ĐAU VAN MINH	CLO	06	1	2		72	KHOAN	Vietnamese
9	LE VAN LY	CLO	01	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN HUU SON	CLO	02	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN DINH HAI	CLO	05	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN KIM HUNG	CLO	04	1	12		74	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN BUI QUANG	CLO	03	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	ĐO VAN QUANG	CLO	16	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
15	LE HUU HAU	CLO	15	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	LE VAN TUAN	CLO	08	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
17	LE DAM	P1	69	1	5		65	DSONG	Vietnamese
18	LE THANH THAI	TD5	75-76	2	17		95	KHOAN	Vietnamese
19	QUACH THE ANH	TD5	74	1	11		68	KHOAN	Vietnamese
20	MAI VAN DUONG	TD5	71	1	12	20	78	DVL	Vietnamese
21	PHAN THANH TINH	TD5	72	1	15		70	DVL	Vietnamese
22	TRUONG DINH VINH	TD5	73	1	10		76	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	16	17	106	1.193	20	12		
2	P1	1	1	5	65	0	1		
3	TD5	5	6	65	387	20	9		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>176</b>	<b>1.645</b>	<b>40</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>176</b>	<b>1.645</b>	<b>40</b>			

GRAND TOAL: 1.861 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/02/2018	TO: CLO - TD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - KHOÀN - NNam	ETA: 11:10
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MOHD SAIFUL BIN DARWISH	CLO	27-28	2	15		71	NHA THAU	Malaysian
2	TRẦN QUANG UT	CLO	29-30	2	15		74	NHA THAU	Vietnamese
3	TÔNG VĂN THE	CLO	23-24	2	15		71	NHA THAU	Vietnamese
4	NATTAPON VISAWAMETEEKUL	CLO	25-26	2	15		62	NHA THAU	Thailand
5	TẠ MINH UY	CLO	19-20	2	15		61	DVL	Vietnamese
6	DUƠNG MINH VIỆT	CLO	22	1	15		59	DVL	Vietnamese
7	TRAN THUONG VU	CLO	21	1	15		87	KHOAN	Vietnamese
8	KOROTKOV V.A	TD1	01	1	12		106	KHOAN	Russian
9	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	07-08	2	15		72	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG VAN MINH	TD1	12	1	9		63	KHOAN	Vietnamese
11	DUƠNG XUAN THANG	TD1	02	1	9		76	KHOAN	Vietnamese
12	ĐANG VIỆT KHÔI	TD1	03	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN THIỆU	TD1	09	1	8	70	76	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM ĐỨC TUẤN	TD1	11	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
15	ĐOÀN VĂN LEO	TD1	05	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐANG KHOA	TD1	06	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM VĂN THIẾT	TD1	04	1	8		61	KHOAN	Vietnamese
18	VU ĐÌNH PHONG	TD1	10	1	6		61	KHOAN	Vietnamese
19	LUƠNG THE MINH	TD1	13	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐANG VIỆT CƯỜNG	TD1	17	1	7		66	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN BA HÙNG	TD1	14-16	3	15		80	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	7	12	105	485	0	6		
2	TD1	14	17	123	1.012	70	16		
TOTAL		21	29	228	1.497	70	22		
WEIGHT KG				228	1.497	70			

GRAND TOAL: 1.795 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/02/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	610	T.UNG	7:25	14	0	7:25	18	0	
2	427	RC5+RC4+RCDM	7:25	11+6+5	0+0+0		7+8+7	0+0+0	
3	410	RP3+P6+P8	7:25	22+0+0	0+0+0		19+0+3	0+0+0	CHUYEN 1 PAX TU RP3-P6
4	846	P7+P4+TD2	7:25	0+0+14	0+0+0		2+5+15	0+0+0	CHUYEN 1 PAX TU P7-P4
5	424	RP2+RC3	7:25	16+6	0+0		13+9	0+0	
6	427	RP3+RP1	9:25	8+14	0+0		7+15	0+0	
7	410	P1+TD2+P2	9:25	4+6+0	0+0+0		0+16+6	0+0+0	
8	424	P9+RP2	9:25	2+15	0+0		0+22	0+0	
9	846	RP2+BK4+BK5	9:25	14+0+0	0+0+0		15+5+2	0+0+0	
10	427	RC5+RC6+RP1	11:25	6+5+11	0+0+0		5+5+12	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng thông tin này để xem tất cả các thông báo.

1/3 NGƯỜI ĐI ĐI RC5 VỀ CHUYẾN CUỐI;

2/VALY 4 BÁNH XE KHÔNG NHẬN CHỖ BẢNG TRÚC THĂNG (4-КОЛЕСНЫЕ ЧЕМАДАННЫ НЕ ПЕРЕВОЗЯТСЯ

БЕПОЛЕТАМИ С 1-ГО ФЕРРАЖА 2018Г.)





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/02/2018	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 610	ETD: 07:27
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Thanh - TUNG	ETA: 10:40
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM MINH TUAN	BK THIE	28	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
2	AYAKYAN C. P.	BK THIE	26	1	10		93	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN QUANG TUYEN	BK THIE	21-22	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI TRONG SON	BK THIE	30	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN MINH TRI	BK THIE	27	1	7	60	70	KH-THAC	Vietnamese
6	KHONG THAI BINH	BK THIE	32	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM THANH TUNG	BK THIE	24	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN DAN	BK THIE	33	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	VU TIEN VINH	BK THIE	38	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN KHAC SANG	BK THIE	25	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM HONG SON	BK THIE	31	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
12	KLY	BK THIE	29	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
13	VU QUANG THONG	BK THIE					73	KH-THAC	Vietnamese
14	GIANG TRUNG HIEU	BK THIE	23	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	14	14	75	1.011	60	18		
	TOTAL	14	14	75	1.011	60	18		
	WEIGHT KG			75	1.011	60			

GRAND TOAL: 1.146 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05-Feb-18	TO: RC5 - RC4 - RCDM	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Phong - TUYỀN - PTUẤN	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG THANG	RC5					71	DIEUHANH	Vietnamese
2	BESPALOV	RC5	34	1	6		80	DIEUHANH	Russian
3	CHERNHIADEV	RC5	35	1	6		66	DIEUHANH	Russian
4	NGUYEN TIEN HONG	RC5	39,40	2	14		50	PSV	Vietnamese
5	BELAYEV	RC5	32	1	10		85	KH-THAC	Russian
6	VO VAN DONG	RC5	30	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DINH LOC	RC5	36	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VAN THUAN	RC5	38	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
9	DINH VAN LIEN	RC5	37	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
10	DANG DINH THANG	RC5	33	1	14		76	KH-THAC	Vietnamese
11	CAO THANH HOP	RC5	31	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÀU HUY HOANG	RC4	84-85	2	14		59	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUANG BÌNH	RC4	88-89	2	14		84	KH-THAC	Vietnamese
14	TRINH VAN TIEN	RC4	91	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
15	HUYNH MINH TRI	RC4	86	1	6		52	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG CONG DANH	RC4	87	1	12	35	82	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYEN QUOC VIET	RC4	90	1	18	15	68	PSV	Vietnamese
18	VU QUANG TUYEN	RCDM	20	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
19	CU NGOC BAN	RCDM	18	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN LA	RCDM					75	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG VĂN THÀNH	RCDM	19	1	4	40	70	KH-THAC	Vietnamese
22	VÔ VĂN THANH	RCDM	17	1	7	25	67	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	11	11	75	772	0	7		
2	RC4	6	8	75	415	50	8		
3	RCDM	5	4	22	342	65	7		
TOTAL		22	23	172	1.529	115	22		
WEIGHT KG				172	1.529	115			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/02/2018	TO: RP3 - P6 - P8	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Hạnh - TTrung - THỤ	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PLATUNOV V.A.	RP3	78	1	6		85	KH-THAC	Russian
2	ĐO QUANG TÔ	RP3	95	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	CAO ĐỨC THÀNH	RP3	86	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN ĐÔNG	RP3	85	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ CÔNG HÙNG	RP3					75	KH-THAC	Vietnamese
6	VÔ HO HAI	RP3	94	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	RP3	80	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN GIA THIÊN	RP3	97	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
9	VÔ TẤN CHÂU	RP3	84	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HIÊN	RP3	93	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN SY ĐIỆP	RP3	89	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐINH QUANG THÀNH	RP3	87	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM QUỐC CHE	RP3	77	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU MẬU	RP3	81-82	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG HAI HA	RP3	96	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN TIÊN	RP3	98	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	700	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
18	VÔ THANH LAM	RP3	88	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	83	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TẤN TRỌNG	RP3	90	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN HAI HA *TT	RP3	91-92	2	7		67	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN VĂN MINH	RP3	79	1	5		80	YTE	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	23	128	1.600	0	19	FL	CHUYEN 1 PAX TU RP3 SANG P6
2	P6	0	0	0	0	40	0		
3	P8	0	0	0	0	60	3		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>23</b>	<b>128</b>	<b>1.600</b>	<b>100</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>128</b>	<b>1.600</b>	<b>100</b>			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/02/2018	TO: P7 - P4 - TD2	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Nam - MTHAO - DKHÁNH	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	POROMARENKO A.	TD2	34-35	2	15		100	KHOAN	Russian
2	HOANG MANH HUNG	TD2	41	1	5		82	GETRACO	Vietnamese
3	BUI VAN THANG	TD2	48,51	2	15		70	GETRACO	Vietnamese
4	GUSHEYNOV M.A	TD2	43-44	2	12		80	KHOAN	Russian
5	CHU VAN HUNG	TD2	36	1	5	20	60	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HAI	TD2	47	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
7	BUI HUU HONG	TD2	39	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
8	VUONG DINH LIEN	TD2	33	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	LE VIET CHIEN	TD2	42	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
10	NGO VAN BAC	TD2	40	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
11	DO VAN HUNG	TD2	38	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN HUNG HUNG	TD2	45	1	5		100	KHOAN	Vietnamese
13	CAO VAN LOI	TD2	46	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	MAI VAN HOANG	TD2	37	1	5		60	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	0	0	0	0	35	2	1	CHUYEN 01 PAX TU P7 SANG P4
2	P4	0	0	0	0	60	5		
3	TD2	14	17	104	1.046	20	15		
<b>TOTAL</b>		<b>14</b>	<b>17</b>	<b>104</b>	<b>1.046</b>	<b>115</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>104</b>	<b>1.046</b>	<b>115</b>			

GRAND TOAL: 1.265 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05-Feb-18	TO: RP2 - RC3	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: MTHĂNG - VTHU -	ETA: 09:30
HONG-1		CƯỜNG - dững	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GROMOV S.A	RP2	12	1	10		82	KHOAN	Russian
2	TARASENKO ALECHXAY	RP2	16	1	10		80	KH-THAC	Russian
3	TRẦN ĐỨC KHANG	RP2	01	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH XUAN GIANG	RP2	04	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN LIEM	RP2	02	1	8	27	66	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN DUNG	RP2	03	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TRUNG	RP2	17	1	6		84	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN THAI DUONG	RP2	13-14	2	15		52	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN XUAN	RP2	05	1	9		58	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN BINH	RP2	15	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HÒA	RP2	06	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN DUY LINH	RP2	07	1	7		90	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN NHU BANG	RP2	11	1	4		56	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ VĂN HOA	RP2	08	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN TUAN LONG	RP2	10	1	8		64	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN DUY KIEN	RP2	09	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ LÊ TRUNG	RC3	77	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
18	DUONG MINH KHANH	RC3	78-79	2	9		57	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM THẾ MẠNH	RC3				70	79	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI SY HIEU	RC3	75	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
21	NGO KHANH NAM	RC3	76	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
22	HA KIM LINH	RC3	80	1	4		48	GETRACO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	16	17	108	1.116	27	13		
2	RC3	6	6	27	394	70	9		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>23</b>	<b>135</b>	<b>1.510</b>	<b>97</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>135</b>	<b>1.510</b>	<b>97</b>			

GRAND TOAL: 1.742 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/02/2018	TO: RP3 - RP1	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Phong - TUYỀN - PTUẤN	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MIRSAIAPOV	RP3	99	1	5	30	102	DIEUHANH	Russian
2	HUYNH TAN NGON	RP3	56	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN QUY HAI	RP3	54-55	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
4	DUONG CHUNG THUY	RP3	53	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
5	KRAPIVKA	RP3	52	1	2		89	KH-THAC	Russian
6	SEDELKIN	RP3	51	1	4		91	KH-THAC	Russian
7	LE ĐỨC KHƯƠNG	RP3	57	1	2		60	KHI	Vietnamese
8	LE VAN YEN	RP3	58	1	4	15	57	KHI	Vietnamese
9	BAMBUROV E.N.	RP1	45	1	20	35	92	KH-THAC	Russian
10	TALONIN V.A.	RP1	44	1	9		125	KH-THAC	Russian
11	ĐẶNG BA DIEU	RP1	27	1	6		60	YTE	Vietnamese
12	NGUYEN THANH HAI	RP1	32	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ ĐỨC VƯỢNG	RP1	28	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DINH NGU	RP1	35-36	2	10		59	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI VAN THAI	RP1	30	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	HUYNH MINH SANG	RP1	39-40	2	7		72	KH-THAC	Vietnamese
17	TRƯƠNG CÔNG THANH	RP1	43	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VIET HUNG	RP1	31	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
19	LE TRI KHANH	RP1	29	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐINH VAN THONG	RP1	41-42	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
21	TANG THANH DAN	RP1	34	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN DINH THAM	RP1	33	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	8	9	42	595	45	7		
2	RP1	14	17	114	1.044	35	15		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>26</b>	<b>156</b>	<b>1.639</b>	<b>80</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>156</b>	<b>1.639</b>	<b>80</b>			

GRAND TOAL: 1.875 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/02/2018	TO: P1 - TD2 - P2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Hạnh - TTrung - THỤ	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ ĐÌNH QUANG	P1	74	1	10		67	DVL	Vietnamese
2	PHẠM VĂN CƯỜNG	P1	72-73	2	10		85	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN TUAN ANH	P1	71	1	12		64	DVL	Vietnamese
4	KRAVSOV ALEXSANDR	P1	75	1	15	11	72	DVL	Russian
5	TRẦN VĂN THUẬT	TD2	52	1	12	55	72	DVL	Vietnamese
6	NGUYEN VĂN THỤ	TD2	53	1	12		70	DVL	Vietnamese
7	TRẦN VĂN NGHĨA	TD2	55	1	11		85	DVL	Vietnamese
8	TRẦN HỮU THƯƠNG	TD2	57	1	6		82	GETRACO	Vietnamese
9	VŨ MẠNH THĂNG	TD2	56	1	4		70	GETRACO	Vietnamese
10	ĐẶNG QUỐC KHÁNH	TD2	54	1	7		60	GETRACO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	4	5	47	288	11	0		
2	TD2	6	6	52	439	55	16		
3	P2	0	0	0	0	50	6		
<b>TOTAL</b>		<b>10</b>	<b>11</b>	<b>99</b>	<b>727</b>	<b>116</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>99</b>	<b>727</b>	<b>116</b>			

GRAND TOAL: 942 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/02/2018	TO: P9 - RP2	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: MTHANG - VTHU - CUONG - dung	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ĐỨC MINH	P9	63,58-59	3	17	80	70	CODIEN	Vietnamese
2	VŨ ANH TUẤN	P9	64	1	5		67	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN MINH HUNG	RP2	23	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM NAM HAI	RP2	22	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HIEU	RP2	30	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	CAO VAN KIM	RP2	24	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM TRUNG KIEN	RP2	34	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN QUANG VINH	RP2	25	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN DUY HUNG	RP2	35	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ ĐỨC CUÔNG	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	26	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUNG CUÔNG	RP2	33	1	5		88	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI NGOC THAN	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VIỆT TRƯỜNG	RP2	28	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN HAI	RP2	31-32	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOAN KIM NGAN	RP2	27	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN XUAN SAU	RP2	29	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	2	4	22	137	80	0		
2	RP2	15	14	75	1.029	0	22		
<b>TOTAL</b>		<b>17</b>	<b>18</b>	<b>97</b>	<b>1.166</b>	<b>80</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>97</b>	<b>1.166</b>	<b>80</b>			

GRAND TOAL: 1.343 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/02/2018	TO: RP2 - BK4 - BK5	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Nam - MTHAO - DKHÁNH	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG NGỌC LAN	RP2	88-89	2	12		78	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN ĐỨC TRƯỜNG	RP2	96	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ HỮU QUAN	RP2	86	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI VIỆT PHƯƠNG	RP2	91	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ HOÀNG CẨM	RP2	92	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	85	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ CHI CUÔNG	RP2	95	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VIỆT THUẬN	RP2	90	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
9	NIKITIN	RP2	47	1	5		90	ANTOAN	Russian
10	TRẦN VĂN SƠN	RP2	98	1	6		61	GETRACO	Vietnamese
11	VŨ THANH NHẬT	RP2	400	1	7		76	GETRACO	Vietnamese
12	BUI VĂN TUẤN	RP2	99	1	3		56	GETRACO	Vietnamese
13	NGUYỄN CẢNH HIỀN	RP2	800	1	4		55	GETRACO	Vietnamese
14	LÊ VĂN CHÍNH	RP2	97	1	4		60	GETRACO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	14	15	84	922	0	15		
2	BK4	0	0	0	0	35	5		
3	BK5	0	0	0	0	90	2		
<b>TOTAL</b>		<b>14</b>	<b>15</b>	<b>84</b>	<b>922</b>	<b>125</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>84</b>	<b>922</b>	<b>125</b>			

GRAND TOAL: 1.131 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/02/2018	TO: RC5 - RC6 - RP1	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Phong - TRƯỜNG - PTUẤN	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU BA THUAN	RC5	41	1	12		64	KH-THAC	Vietnamese
2	HO NGOC BEN	RC5	42	1	10	45	75	KH-THAC	Vietnamese
3	DINH VAN TAM	RC5	43	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN NANG	RC5	29	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN NGOC CHINH	RC6	60	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TRUNG TIN	RC6	61-63	3	12	17	80	KH-THAC	Vietnamese
7	DUONG NHAT THANH	RC6	59	1	10	35	75	KH-THAC	Vietnamese
8	DO QUOC HUY	RC6	64-65	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VIET HA	RC6	72	1	5		70	PSV	Vietnamese
10	ĐẶNG VŨ NHẬT VINH	RP1					70	KH-THAC	Vietnamese
11	HA QUOC HOAN	RP1	65	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI MINH DUONG	RP1	62	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	DINH VAN MANH	RP1	36	1	5	40	80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUANG THONG	RP1	66	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN TRỌNG HIẾU	RP1	38	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM BA TAI	RP1	64	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ VĂN THANH	RP1	35	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN NAM TRUNG	RP1	63	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ BA NẾP	RP1	61,72	2	17		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TOAN	RP1	37	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	4	4	32	279	45	5		
2	RC6	5	8	42	367	52	5		
3	RP1	11	11	65	752	40	12		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>23</b>	<b>139</b>	<b>1.398</b>	<b>137</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>139</b>	<b>1.398</b>	<b>137</b>			

GRAND TOAL: 1.674 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/02/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	410	PPD+BK5	7:25	18+0	0+0		20+2	0+0	
2	428	P7+PVD2	7:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
3	846	TD3+BK14+RC4	7:25	17+2+0	0+0+0		18+0+4	0+0+0	
4	424	TD5+P4	7:25	17+5	0+0		16+6	0+0	
5	410	TD2+TD3	9:25	0+8	0+0		5+17	0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ TD2-TD3
6	428	RP3+RC5	9:25	18+0	0+0		20+2	0+0	
7	846	PVD2+P4	9:25	7+8	0+0		4+18	0+0	
8	424	PPD+P5	9:25	13+0	0+0		20+2	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/PPD VÀ P4 - 2+2: NGƯỜI XNKHI- ĐI VỀ TRONG NGÀY 2/ VALY 4 BÁNH XE KHÔNG NHẬN CHỖ BẢNG TRỰC THĂNG (4-  
КОДЕСЫЕ ЧЕМАДАННЫ НЕ ПЕРЕВОЗЯТСЯ ВЕРТОЛЕТАМИ С 1-ГО ФЕВРАЛЯ 2018Г.)



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/02/2018	TO: PPD - BK5	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Khang - TUYỀN - NNam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC QUANG	PPD	10	1	2		72	KHI	Vietnamese
2	MAMBEV E.Z	PPD	05	1	10		96	KHI	Russian
3	ĐỖ MẠNH HÙNG	PPD					75	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH PHONG	PPD	16	1	2		101	KHI	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC HÙNG	PPD	13	1	12		75	KHI	Vietnamese
6	DUONG CHI TUYEN	PPD	03	1	3		67	KHI	Vietnamese
7	TRAN HUYNH ANH PHONG	PPD	12	1	5		65	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN VAN NAM	PPD	07	1	5		76	KHI	Vietnamese
9	VÔ VĂN QUYÊN	PPD	15	1	3		64	KHI	Vietnamese
10	NGÔ SỸ THANH	PPD					87	KHI	Vietnamese
11	TRINH VĂN CƯỜNG	PPD	14	1	5		69	KHI	Vietnamese
12	PHÙNG VĂN CHÍNH	PPD	06	1	4	40	75	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN QUANG	PPD	17	1	2		66	KHI	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC HÙNG	PPD	01	1	6		56	KHI	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN TUẤN	PPD	11	1	4		75	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN MINH HOANG	PPD	02	1	4		69	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN ANH TU	PPD	08	1	10		74	KHI	Vietnamese
18	LÊ TRUNG LAN	PPD	09	1	3	22	81	KHI	Vietnamese
19	GARIFULIN F V	PPD	04	1	6		85	KH-THAC	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	19	17	86	1.428	62	20		
2	BK5	0	0	0	0	35	2		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>17</b>	<b>86</b>	<b>1.428</b>	<b>97</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>86</b>	<b>1.428</b>	<b>97</b>			

GRAND TOAL: 1.611 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 06-Feb-18	TO: P7 - PVD2	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hôi - MMinh - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUU CHINH	P7	57	1	5	17	70	NIPI	Vietnamese
2	TA KIM VU	P7	62-63	2	13		70	NIPI	Vietnamese
3	NGUYEN CHI CONG	P7	60-61	2	17		60	NIPI	Vietnamese
4	NGUYEN MANH KHOAN	P7	64	1	5		70	NIPI	Vietnamese
5	NGUYEN BINH MINH	PVD2	81	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
6	DINH XUAN THIEM	PVD2	79	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN HUU DAT	PVD2	74-75	2	12		75	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM VAN TAN	PVD2	98	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	MAI DONG DUY	PVD2	300	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN THANH LONG	PVD2	97	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN LUC	PVD2	99	1	7		55	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN DUC CHI	PVD2	96	1	7		59	KHOAN	Vietnamese
13	TONG VAN DAT	PVD2	80	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	TRUONG QUOC DUC	PVD2	78	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TUAN MINH	PVD2	72-73	2	14		75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN DUAN	PVD2	68	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
17	DINH NGOC HIEU	PVD2	71	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
18	BUI CONG MINH	PVD2	94-95	2	15	20	60	KHOAN	Vietnamese
19	HOANG TRUNG KIEN	PVD2	82-83	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
20	VU THANH HUY	PVD2	76-77	2	17		65	KHOAN	Vietnamese
21	TRAN CONG BINH	PVD2	69-70	2	16		65	KHOAN	Vietnamese
22	TRAN VU HOAI PHONG	PVD2	85-86	2	15		70	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	4	6	40	270	17	0		
2	PVD2	18	25	173	1.230	20	22		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>31</b>	<b>213</b>	<b>1.500</b>	<b>37</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>213</b>	<b>1.500</b>	<b>37</b>			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/02/2018	TO: TD3 - BK14 - RC4	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LBinh - Linh - Trường	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN THAI AN	TD3	15	1	7	28	69	DVL	Vietnamese
2	NGUYEN HOANG LONG	TD3					62	DVL	Vietnamese
3	KODZOIEV M.M	TD3	02	1	10		95	KHOAN	Russian
4	NGUYEN VAN TUYEN	TD3	08	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM VAN BAT	TD3	07	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG MINH TOAN	TD3	10	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
7	TRINH DUY SON	TD3	03	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM VIET DUNG	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
9	ĐAO TIEN THIET	TD3	09	1	7		55	KHOAN	Vietnamese
10	LAI THE DAT	TD3	12	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	11	1	11		91	KHOAN	Vietnamese
12	NGO VAN CHUNG	TD3	04-05	2	8		76	KHOAN	Vietnamese
13	BUI VAN LOI	TD3	01	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
14	LUONG XUAN ĐUỘC	TD3	13	1	3		70	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TRUNG	TD3					77	PSV	Vietnamese
16	LUU QUY TRUNG	TD3	14	1	3		69	PSV	Vietnamese
17	ĐAO ĐỨC ĐÔNG	TD3	06	1	7		72	XAYLAP	Vietnamese
18	LE BAT THƯƠNG	BK14	02-03	2	11		77	CODIEN	Vietnamese
19	ĐOÀN XUAN CUONG	BK14	04-05	2	14		70	CODIEN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	17	15	97	1.241	28	18		
2	BK14	2	4	25	147	0	0		
3	RC4	0	0	0	0	50	4		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>19</b>	<b>122</b>	<b>1.388</b>	<b>78</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>122</b>	<b>1.388</b>	<b>78</b>			

GRAND TOAL: 1.588 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/02/2018	TO: TD5 - P4	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: MTHĂNG - VTHU -	ETA: 09:30
TRANG-1A		CƯỜNG - TDUNG	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN HẢI	TD5	79	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VIỆT TRUNG	TD5	90	1	12		82	KHOAN	Vietnamese
3	BUI NGOC LAM	TD5	82	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN THE	TD5	91	1	4		53	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN VĂN THIỆU	TD5	87	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
6	LUƠNG VĂN LƯU	TD5	78	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN ĐAM	TD5	80	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN HẠNH	TD5	88	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN LUAN	TD5	85	1	5	28	60	KHOAN	Vietnamese
10	ĐAO THANH SƠN	TD5	81	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VINH DUY	TD5	84	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN LAM GIANG	TD5	83	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	ĐOÀN BUU TAM	TD5	89	1	5		113	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN TRINH QUỐC VƯƠNG	TD5	86	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THUẬN	TD5	92	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
16	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD5	93-94	2	8		85	KHOAN	Vietnamese
17	NGO THANH SƠN	TD5	95	1	10		67	DVL	Vietnamese
18	IAKINMENKO V.A	P4	05	1	10		112	KHI	Russian
19	OKOVANSEV G.P	P4	01	1	10	52	115	KHI	Russian
20	TÀ VĂN QUYNH	P4					72	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN CÔNG	P4	06	1	2		75	KHI	Vietnamese
22	PHẠM THỊ HỒNG HẠNH	P4					56	KHI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	17	18	108	1.251	28	16		
2	P4	5	3	22	430	52	6		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>21</b>	<b>130</b>	<b>1.681</b>	<b>80</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>130</b>	<b>1.681</b>	<b>80</b>			

GRAND TOAL: 1.891 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/02/2018	TO: TD2 - TD3	AIRCRAFT: 410 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Khang - TUYỀN - NNam	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG	TD3	23	1	5		67	PSV	Vietnamese
2	HOANG VAN THANG	TD3	19	1	3		65	PSV	Vietnamese
3	PHẠM VĂN DUẬN	TD3	20	1	3		82	PSV	Vietnamese
4	PHẠM ĐỨC HẬU	TD3	21	1	5	15	60	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LẬP	TD3	18	1	6		65	PSV	Vietnamese
6	VƯƠNG ĐỨC HUY	TD3	22	1	10		93	PSV	Vietnamese
7	PHAN SỸ CAO	TD3	24	1	3		60	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT THĂNG	TD3	25	1	7		70	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	0	0	0	0	0	5	12	CHUYEN 2 PAX TD2 SANG TD3
2	TD3	8	8	42	562	15	17		
<b>TOTAL</b>		<b>8</b>	<b>8</b>	<b>42</b>	<b>562</b>	<b>15</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>42</b>	<b>562</b>	<b>15</b>			

GRAND TOAL: 619 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/02/2018	TO: RP3 - RC5	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Hòì - MMinh - HIẾU	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	REVKIN V.N	RP3	90	1	10	40	112	KHI	Russian
2	HA VAN THUY	RP3	77	1	6		72	KHI	Vietnamese
3	PHAM VAN KY	RP3	76	1	3		68	KHI	Vietnamese
4	NGO THANH LAM	RP3	66-67	2	7		70	KHI	Vietnamese
5	LE NHU NGUYEN	RP3	97-98	2	12		61	KHI	Vietnamese
6	ACTAKOV A.N	RP3					90	KHI	Russian
7	NGUYEN VAN VINH	RP3	65	1	5		75	KHI	Vietnamese
8	HOANG VAN HAI	RP3	91	1	10		60	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN VIET KY	RP3	80	1	8		68	KHI	Vietnamese
10	NGO NGOC HAN	RP3	95-96	2	7		59	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN PHUC HAU	RP3	89	1	7		75	KHI	Vietnamese
12	PHAM HONG THAI	RP3	81	1	5		69	KHI	Vietnamese
13	HUYNH NAM LONG	RP3	64	1	8		60	KHI	Vietnamese
14	PHAM DUC TOAN LOC	RP3	78	1	9		78	KHI	Vietnamese
15	DOAN VAN TRUC	RP3	79	1	7		65	KHI	Vietnamese
16	TA PHI KHANH	RP3	92	1	4		74	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN DUAN	RP3	87-88	2	15		65	KHI	Vietnamese
18	IRERVALEEV	RP3	85-86	2	19		83	KH-THAC	Russian
19	NGUYEN HOANH DUNG	RP3	84	1	5		75	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN QUOC HUNG	RP3	82	1	6		75	KHI	Vietnamese
21	HOANG PHUC	RP3	83	1	4		64	KHI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	21	25	157	1.518	40	20		
2	RC5	0	0	0	0	40	2		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>25</b>	<b>157</b>	<b>1.518</b>	<b>80</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>157</b>	<b>1.518</b>	<b>80</b>			

GRAND TOAL: 1.755 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 06-Feb-18	TO: PVD2 - P4	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: LBinh - Linh - Trường	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HOÀI THIÊN	PVD2	69	1	15		77	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN CÔNG CHIẾN	PVD2	76	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
3	HUYNH VŨ TÍNH	PVD2	75	1	9		68	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ MẠNH NAM	PVD2	70	1	10	7	80	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC SƠN	PVD2	73	1	17		70	KHOAN	Vietnamese
6	VUONG KIEN QUOC	PVD2	71	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	LƯU BA XÔ	PVD2	72	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
8	MAI HAI LONG	PVD2	74	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
9	ANSEROV . V	P4					83	KH-THAC	Russian
10	TRẦN VĂN HUYỀN	P4	39-40	2	6		63	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM QUỐC DUY	P4	37	1	5		60	KHI	Vietnamese
12	LÊ VĂN MẠNH	P4	34	1	3		60	KHI	Vietnamese
13	TRẦN ĐẠI	P4	38	1	8	20	72	KHI	Vietnamese
14	TRẦN VĂN PHÚC	P4	33	1	4		70	KHI	Vietnamese
15	DƯƠNG ĐÌNH HIẾN	P4	35	1	3		65	KHI	Vietnamese
16	LÊ QUANG VINH	P4	36	1	7		65	KHI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	8	8	85	597	7	4		
2	P4	8	8	36	538	20	18		
<b>TOTAL</b>		<b>16</b>	<b>16</b>	<b>121</b>	<b>1.135</b>	<b>27</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>121</b>	<b>1.135</b>	<b>27</b>			

GRAND TOAL: 1.283 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/02/2018	TO: PPD - P5	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:00
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: MTHANG - VTHU - CUONG - TDUNG	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN SONG	PPD	31	1	5	40	73	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC KHUYEN	PPD	37	1	4		75	KHI	Vietnamese
3	TRAN VAN NAM	PPD	38	1	5		69	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN ANH SON	PPD	36	1	5		62	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN TRONG DAI NGHIA	PPD	30	1	10		76	KHI	Vietnamese
6	VU NGOC TUAN	PPD	33	1	5		76	KHI	Vietnamese
7	LE THANH TRUNG	PPD	34	1	5		63	KHI	Vietnamese
8	BUI DANG TIEN	PPD	32	1	10		68	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN HUU THANH	PPD	35	1	5		61	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN THUC	PPD	27	1	5		63	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN KHAC THIEN	PPD	25-26	2	7		68	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN DUC TRONG	PPD	28	1	5		60	PSV	Vietnamese
13	MAI VAN TOAN	PPD	29	1	10		61	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	13	14	81	875	40	20		
2	P5	0	0	0	0	55	2		
<b>TOTAL</b>		<b>13</b>	<b>14</b>	<b>81</b>	<b>875</b>	<b>95</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>81</b>	<b>875</b>	<b>95</b>			

GRAND TOAL: 1.051 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN